

Số -TB/PHHCM

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

THÔNG BÁO

Kết quả thi đánh giá năng lực tiếng Anh trình độ tương ứng bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam của Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại Tp. Hồ Chí Minh (đợt 1 – năm 2026)

Thực hiện Kế hoạch số 612-KH/HVHC&QTC ngày 03/4/2026 của Học viện Hành chính và Quản trị công về việc tổ chức kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Anh, trình độ tương ứng bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam của Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại Tp. Hồ Chí Minh (đợt 1 – năm 2026).

Căn cứ kết quả chấm thi, Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại Tp. Hồ Chí Minh thông báo kết quả thi kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Anh, trình độ tương ứng bậc 3 (đợt 1 – năm 2026), cụ thể như sau:

1. Thông báo kết quả thi

Thông tin chi tiết về kết quả thi các kỹ năng trong kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Anh, trình độ tương ứng bậc 3 (đợt 1 – năm 2026), (có danh sách kèm theo)

2. Chấm phúc khảo

Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày thông báo kết quả thi, thí sinh có nhu cầu đề nghị chấm phúc khảo bài thi làm đơn gửi về Phòng Quản lý đào tạo và Khoa học (có mẫu đơn kèm theo).

- Thời gian nhận đơn phúc khảo đến hết ngày 28/4/2026.

- Thí sinh nộp lệ phí phúc khảo:

+ Định mức thu: 100.000đ/người

+ Hình thức thu: Chuyển khoản

Số tài khoản: 1479999399

Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) chi nhánh Ba tháng hai.

Đơn vị thụ hưởng: Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Nội dung chuyển khoản: Họ và tên, lệ phí phúc khảo AVB1 đợt 1 năm 2026.

Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại Tp. Hồ Chí Minh trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc Học viện (để b/c),
- Trung tâm KT&ĐBCLĐT (để b/c),
- Các đơn vị thuộc PH,
- Website Phân hiệu,
- Lưu: VT.

**K/T GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thị Phương

HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH
VÀ QUẢN TRỊ CÔNG
PHÂN HIỆU HỌC VIỆN
HÀNH CHÍNH VÀ QUẢN TRỊ CÔNG
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

ĐƠN ĐỀ NGHỊ PHỤC KHẢO BÀI THI

Kính gửi: Hội đồng thi kỳ thi ĐGNL tiếng Anh trình độ tương ứng bậc 3, đợt 1 – năm 2026 của Học viện Hành chính và Quản trị công

Họ tên thí sinh (*chữ in hoa*): Nam/Nữ:

Mã số sinh viên/ học viên:

Ngày sinh (ngày/ tháng/ năm):

Em đã tham gia dự thi đánh giá năng lực tiếng Anh đợt 1 năm 2026, tại Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại Tp. Hồ Chí Minh với kết quả điểm thi các kỹ năng như sau:

Kỹ năng nghe:Đọc:.....Viết:Nói:, Tổng:.....

Với kết quả thi như vậy chưa phản ánh đúng bài thi của em, vì vậy em làm đơn này kính đề nghị Hội đồng chấm phúc khảo lại bài thi kỹ năng sau:

- Nghe:
- Đọc:
- Viết:
- Nói

Em xin trân trọng cảm ơn!

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ tên)

.....

HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH
VÀ QUẢN TRỊ CÔNG
PHÂN HIỆU HỌC VIỆN
HÀNH CHÍNH VÀ QUẢN TRỊ CÔNG
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

DANH SÁCH

Kết quả thi đánh giá năng lực tiếng Anh trình độ tương ứng bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam của Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại Tp. Hồ Chí Minh (đợt 1 – năm 2026)
(Kèm theo Thông báo số -TB/PHHCM ngày 23/4/2026 của Giám đốc Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại Tp. Hồ Chí Minh)

TT	Số báo danh	Mã SV hoặc Số CCCD	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm kỹ năng				Tổng điểm	Ghi chú
					Nghe	Đọc	Viết	Nói		
1	SG126001	2205QLNH002	Nguyễn Khương Ngọc An	28/3/2004	12	8	12	12	44	
2	SG126002	2305QLNL002	Đỗ Ngọc Anh	10/5/2005	6	16	18	11	51	
3	SG126003	2305QLNN003	Trương Hoàng Anh	08/12/2005	7	10	17	17	51	
4	SG126004	2105VTLB001	Đào Thị Ngọc Anh	11/3/2002	12	8	20	10	50	
5	SG126005	2305QLNL003	Thạch Thị Ngọc Anh	27/10/2005	15	8	14	15	52	
6	SG126006	2205QTVE001	Trương Ngọc Ánh	15/01/2004	7	14	22	7	50	
7	SG126007	2405QLNG010	Trần Gia Bảo	04/7/2003	11	20	21	14	66	
8	SG126008	2305QTVH003	Nguyễn Mậu Thanh	01/3/2005	12	14	17	20	63	
9	SG126009	2305LHOC008	Trần Đình Bắc	08/7/2004	15	12	8	3	38	
10	SG126010	2105LHOE007	Huỳnh Trọng Bình	16/6/2003	13	5	2	3	23	
11	SG126011	2105QLNE012	Đỗ Đức Cường	08/6/2003	9	11	11	7	38	
12	SG126012	2305QLNL007	Phùng Thị Kim Châu	26/01/2005	8	13	18	13	52	
13	SG126013	2205QLNI008	Nguyễn Hữu Chinh	03/9/2004	7	8	8	3	26	

TT	Số báo danh	Mã SV hoặc Số CCCD	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm kỹ năng				Tổng điểm	Ghi chú
					Nghe	Đọc	Viết	Nói		
14	SG126014	2305QLNL010	Đoàn Thị Thùy Dung	16/01/2005	12	6	8	3	29	
15	SG126015	2205QLNH012	Thị Dung	09/11/2004	16	14	11	10	51	
16	SG126016	2205LHOD003	Bùi Quang Dũng	25/7/2004	15	20	13	18	66	
17	SG126017	2305LTHC011	Nguyễn Lê Trí Dũng	12/6/2005	23	18	16	22	79	
18	SG126018	2005LHOK008	Lê Đình Anh Dương	11/8/2002	14	17	17	17	65	
19	SG126019	2105LHOE019	Trần Thùy Dương	23/12/2003	21	20	8	23	72	
20	SG126020	2205QTVE006	Lý Thị Thùy Dương	19/02/2004	17	9	15	18	59	
21	SG126021	2305QTVI007	Cao Tiến Đạt	17/10/2005	18	10	15	7	50	
22	SG126022	2205QLNH009	Cao Trần Quốc Đạt	28/12/2003	9	14	15	7	45	
23	SG126023	2105QLNG014	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	11/01/2003	9	10	7	10	36	
24	SG126024	2305QLNN009	Lê Nữ Thục Đoan	10/01/2005	19	11	11	13	54	
25	SG126025	2105LTHB004	Đặng Thị Hồng Gấm	13/11/2003	13	8	3	4	28	
26	SG126026	2305QLNB023	Nguyễn Bình Hương Giang	05/9/2005	18	16	15	25	74	
27	SG126027	2105LHOD024	Lê Thị Thanh Hà	26/6/2003	13	15	10	6	44	
28	SG126028	2005LHOH015	Nguyễn Nhật Hào	12/02/2002	8	5	13	12	38	
29	SG126029	2305LTHC015	Phan Thị Tuyết Hằng	10/01/2005	18	7	15	11	51	
30	SG126030	2205QTVE010	Lê Ngọc Hân	01/4/2004	11	12	17	18	58	
31	SG126031	2005LHOH016	Phạm Ngọc Gia Hân	06/12/2002	23	20	24	23	90	
32	SG126032	2305QLNN014	Nguyễn Phước Hậu	02/4/2005	11	6	1	1	19	

TT	Số báo danh	Mã SV hoặc Số CCCD	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm kỹ năng				Tổng điểm	Ghi chú
						Nghe	Đọc	Viết	Nói		
33	SG126033	2005LHOH017	Trần Mạnh	Hiếu	07/8/2002	5	3	8	3	19	
34	SG126034	2005LHOK016	Phạm Thị Diệu	Hiếu	27/10/2002	14	18	22	20	74	
35	SG126035	2205QLNI023	Đình Gia	Huy	17/02/2004	14	17	1	3	35	
36	SG126036	2305LTHC018	Tô Thị Nữ	Huyền	05/10/2005	7	20	17	7	51	
37	SG126037	2205LTHB007	Đỗ Thị Như	Huyền	24/7/2004	22	11	18	18	69	
38	SG126038	2305QLNM01 9	Nguyễn Thanh	Huyền	29/5/2005	12	3	20	7	42	
39	SG126039	2105LTHB009	Nguyễn Thị Kim	Huyền	08/10/2003	14	12	14	17	57	
40	SG126040	2105QTVE012	Nguyễn Xuân	Huỳnh	26/5/2003	8	11	5	12	36	
41	SG126041	2105QLNE037	Cao Đặng Hoàng	Hưng	06/8/2003				0	-	Vắng
42	SG126042	2105LHOD036	Võ Ngọc Tuấn	Kiệt	26/8/2003	14	16	10	21	61	
43	SG126043	2005LHOI021	Huỳnh Tuấn	Kiệt	30/11/2002	10	9	5	19	43	
44	SG126044	2205LHOD014	Đặng Duy	Kha	18/12/2004	15	15	19	22	71	
45	SG126045	2105LTHB013	Phan Thành	Lễ	28/9/2003	12	9	1	11	33	
46	SG126046	2105LHOE041	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	28/02/2003	18	18	11	16	63	
47	SG126047	2205QTVE022	Phan Thùy	Linh	11/8/2004	11	13	12	14	50	
48	SG126048	2205QTVE020	Đỗ Khánh	Linh	23/02/2004	9	20	15	6	50	
49	SG126049	2305TTRC036	Phạm Thị Bích	Loan	24/02/2005	21	23	22	12	78	
50	SG126050	2205LHOD021	Nguyễn Hoàng	Long	01/3/2004	10	8	6	7	31	
51	SG126051	2105QLNE045	Quách Hữu	Lộc	01/01/2003	12	12	11	15	50	

TT	Số báo danh	Mã SV hoặc Số CCCD	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm kỹ năng				Tổng điểm	Ghi chú
						Nghe	Đọc	Viết	Nói		
52	SG126052	2305QLNM028	Lê Trần Hoàng	Lộc	07/7/2005	16	16	18	17	67	
53	SG126053	2105QLNG047	Đình Phạm Xuân	Mai	19/10/2003	17	20	15	5	57	
54	SG126054	2105QLNG051	Nguyễn Cao	Minh	22/12/2003	20	15	11	20	66	
55	SG126055	2205QTVE024	Bùi Thị Hồng	Mơ	24/01/2004	10	5	12	13	40	
56	SG126056	2205QTVE025	Trương Thị Ngọc	Muội	24/3/2004	8	10	13	19	50	
57	SG126057	2005QTVG035	Nguyễn Vũ Thế	Nam	20/4/2002	10	9	10	13	42	
58	SG126058	2305QLNN033	Nguyễn Hồng	Ngân	15/06/2005	6	11	20	13	50	
59	SG126059	2305TTRC041	Đặng Hoàng Kim	Ngân	07/5/2005	11	12	11	18	52	
60	SG126060	2305QTVI025	Võ Ngọc Tịnh	Nghi	02/9/2005	12	9	11	19	51	
61	SG126061	2205LHOD027	Trần Hoàng Bảo	Ngọc	22/3/2004	18	7	14	11	50	
62	SG126062	2305QLNM040	Nguyễn Đặng Ngọc	Nhi	03/12/2005	21	8	13	8	50	
63	SG126063	2205QTVE028	Lê Thị Diễm	Nhi	13/01/2004	10	5	6	10	31	
64	SG126064	2205QTVE032	Đoàn Thị Thúy	Nhung	07/01/2004	14	10	2	3	29	
65	SG126065	2305QLNL042	Nguyễn Huỳnh	Nhur	21/8/2005	10	10	9	13	42	
66	SG126066	2105QLNG063	Nguyễn Thị Quỳnh	Nhur	11/6/2003	8	7	12	14	41	
67	SG126067	2305QLNL045	Nguyễn Dân	Phong	25/01/2004	12	11	6	14	43	
68	SG126068	2305QLNM045	Võ Phong	Phú	05/8/2004					-	Vắng
69	SG126069	2105QLNE068	Ngô Thị Ngọc	Phụng	27/01/2003	10	7	3	8	28	
70	SG126070	2005QLND049	Võ Thị Mai	Phương	11/8/2002	7	12	5	10	34	

TT	Số báo danh	Mã SV hoặc Số CCCD	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm kỹ năng				Tổng điểm	Ghi chú
						Nghe	Đọc	Viết	Nói		
71	SG126071	2205QTVE040	Trần Thị Thu	Phương	30/3/2004	11	5	11	13	40	
72	SG126072	2205QTVE039	Nguyễn Thị	Phương	25/02/2003	7	7	5	5	24	
73	SG126073	2105VTLB031	Nguyễn Tiểu	Phương	16/8/2003	10	9	7	5	31	
74	SG126074	2105LTHB018	Lưu Thị Ngọc	Phương	07/5/2003	12	12	12	14	50	
75	SG126075	2205QLNI038	Nguyễn Nhật	Quang	25/8/2004	8	14	14	14	50	
76	SG126076	2305QLNN048	Đoàn Văn	Quốc	03/7/2005	8	14	16	19	57	
77	SG126077	2205LHOD032	Phùng Đình	Quý	14/01/2004	12	9	8	14	43	
78	SG126078	2205QTVE043	Nguyễn Ngọc Tô	Quyên	25/7/2004	10	4	11	6	31	
79	SG126079	2305QLNL050	Nguyễn Thị Trúc	Quyên	05/02/2005	15	7	17	11	50	
80	SG126080	2205QTVE044	Trần Như	Quỳnh	03/01/2004	9	8	20	13	50	
81	SG126081	2305TTRC049	Nguyễn Thị Minh	Sang	13/6/2005	12	17	14	15	58	
82	SG126082	2205LHOD033	Ngô Tấn	Tài	23/11/2004	13	9	14	15	51	
83	SG126083	2305QTVI035	Nguyễn Văn	Tài	12/6/2005	11	7	4	13	35	
84	SG126084	2205QLNI042	Lê Nhật	Tâm	19/5/2004					-	Vắng
85	SG126085	2305QLNM06 7	Phạm	Tuân	07/01/2005	9	7	10	15	41	
86	SG126086	2205LTHB020	Nguyễn Minh	Thạnh	17/3/2004	13	13	13	13	52	
87	SG126087	2205LHOD035	Trần Thanh	Thảo	27/11/2004	17	19	17	21	74	
88	SG126088	2305QLNM05 5	Huỳnh Thị Kim	Thoa	16/01/2005	15	7	14	14	50	
89	SG126089	2305QLNN055	Đào Quang	Thoại	01/7/2005	7	8	5	13	33	

TT	Số báo danh	Mã SV hoặc Số CCCD	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm kỹ năng				Tổng điểm	Ghi chú
					Nghe	Đọc	Viết	Nói		
90	SG126090	2105QLNG085	Nguyễn Chí Thông	18/01/2003	12	8	11	11	42	
91	SG126091	2305VTLB045	Trần Thị Ngọc Thúy	26/9/2005	14	10	6	11	41	
92	SG126092	2205QLNI047	Trần Đỗ An Thuyên	01/4/2004	5	6	2	12	25	
93	SG126093	2305TTRC058	Nguyễn Anh Thư	21/02/2005	17	5	16	14	52	
94	SG126094	2305QLNL058	Nguyễn Thị Minh Thư	22/9/2005	9	12	20	14	55	
95	SG126095	2305QLNL059	Vũ Minh Thư	07/10/2005	15	17	19	22	73	
96	SG126096	2305QLNN059	Bồ Ngọc Hoài Thương	22/4/2005	10	11	18	20	59	
97	SG126097	2305QLNL060	Châu Nhựt Thy	29/9/2005	15	13	13	20	61	
98	SG126098	2305VTLB047	Huỳnh Thùy Trang	23/9/2005	11	7	6	14	38	
99	SG126099	2205QTVE050	Ngụy Thị Thùy Trang	20/02/2004	13	11	12	17	53	
100	SG126100	2305QLNL065	Nguyễn Thị Huyền Trang	02/01/2005	17	15	13	18	63	
101	SG126101	2305QTVI046	Trịnh Thị Huyền Trang	30/6/2005	11	11	16	14	52	
102	SG126102	2305QLNM064	Cao Nguyễn Thị Phương Trang	12/3/2005	11	11	10	18	50	
103	SG126103	2005LHOI061	Bùi Thị Ánh Trâm	14/6/2002	10	6	17	17	50	
104	SG126104	2305QLNN062	Nguyễn Thị Bích Trâm	23/8/2005	6	10	14	13	43	
105	SG126105	2205QLNI049	Hồ Thị Bích Trâm	03/11/2004	14	17	23	14	68	
106	SG126106	2105LHOD084	Phạm Thị Ngọc Trâm	06/02/2003	8	12	5		25	Vắng
107	SG126107	2205QTVE049	Lương Phan Yến Trâm	29/8/2004	15	12	11	13	51	
108	SG126108	2205LHOD042	Nguyễn Thị Thanh Trúc	09/8/2004	17	16	21	14	68	

TT	Số báo danh	Mã SV hoặc Số CCCD	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm kỹ năng				Tổng điểm	Ghi chú
						Nghe	Đọc	Viết	Nói		
109	SG126109	2005LHOH068	Dương Cẩm Tuyệt	Uyên	07/5/2002	10	13	19	8	50	
110	SG126110	2305QLNN069	Bồ Mỹ	Uyên	29/8/2005	9	10	20	20	59	
111	SG126111	2205QLNI056	Lê Phạm Phương	Uyên	30/10/2004	10	21	23	15	69	
112	SG126112	2205LHOD045	Trần Thế	Vũ	13/12/2004	10	25	22	10	67	
113	SG126113	2005QTVG082	Nguyễn Văn	Vũ	08/3/2001	16	14	23	16	69	
114	SG126114	2205QLNI060	Võ Ngọc Thảo	Vy	17/10/2004	13	15	21	21	70	
115	SG126115	2105QLNE106	Huỳnh Hoài	Vy	15/9/2003	13	9	18	13	53	
116	SG126116	2105VTLB046	Lê Đặng Ánh	Vy	27/6/2003	16	12	14	8	50	
117	SG126117	079188023195	Trần Thị Thúy	An	14/5/1988	11	20	23	13	67	
118	SG126118	077097000076	Phạm Thành	An	28/4/1997	11	21	23	20	75	
119	SG126119	070303001220	Hoàng Lan Tuyết	Anh	05/01/2003	18	20	22	19	79	
120	SG126120	079098024731	Trịnh Hoài	Ân	19/7/1998	13	16	18	22	69	
121	SG126121	070194009429	Ngô Thị Thu	Châu	10/4/1994	11	23	19	11	64	
122	SG126122	042186016510	Bùi Thị Ngọc	Châu	13/6/1986	9	23	16	17	65	
123	SG126123	070196001423	Bùi Thị Kiều	Chinh	17/4/1996	9	24	23	18	74	
124	SG126124	077078002192	Phạm Thành	Chung	29/12/1978					-	Vắng
125	SG126125	051086019700	Nguyễn Công	Danh	30/9/1986	11	9	23	24	67	
126	SG126126	079184004694	Nguyễn Thị Kim	Dung	30/9/1984	8	20	15	15	58	
127	SG126127	080203010515	Lê Nguyễn Phước	Duy	14/8/2003	17	19	18	20	74	
128	SG126128	079088003848	Nguyễn Đức	Duy	25/12/1988	11	12	15	21	59	
129	SG126129	038090044472	Khương Hữu	Đạt	08/10/1990	6	13	14	25	58	
130	SG126130	079189023837	Lê Nguyễn Thục	Đoan	22/5/1989	8	16	20	19	63	
131	SG126131	080200013025	Trương Nguyễn Huỳnh	Đức	13/9/2000	10	7	19	20	56	
132	SG126132	040195013786	Nguyễn Thị Thu	Hằng	20/7/1995	15	16	16	21	68	

TT	Số báo danh	Mã SV hoặc Số CCCD	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm kỹ năng				Tổng điểm	Ghi chú
					Nghe	Đọc	Viết	Nói		
133	SG126133	066197011187	Trương Buôn Gia Hân	24/10/1997	17	16	20	21	74	
134	SG126134	079187006048	Phạm Thị Xuân Hồng	04/8/1987	6	17	20	13	56	
135	SG126135	038091005538	Phạm Đức Hùng	01/11/1991	12	14	20	15	61	
136	SG126136	004096002508	Bé Nguyễn Hùng	09/4/1996	10	24	22	19	75	
137	SG126137	045203001457	Nguyễn Quốc Huy	17/11/2003	7	23	21	19	70	
138	SG126138	051186010665	Bạch Nữ Huyền	03/9/1986	13	20	20	17	70	
139	SG126139	080199004284	Nguyễn Thị Huỳnh	27/7/1999	9	10	18	18	55	
140	SG126140	037094001744	Nguyễn Ngọc Hưng	06/3/1994	11	22	17	14	64	
141	SG126141	079086019957	Lê Thành Khôi	10/10/1986	15	25	19	19	78	
142	SG126142	070190010227	Hoàng Thị Linh	26/3/1990	15	22	15	16	68	
143	SG126143	072085005390	Nguyễn Minh Lưu	10/7/1985	8	17	12	14	51	
144	SG126144	079098000802	Lê Nguyễn Nhật Minh	07/01/1998	15	16	16	19	66	
145	SG126145	079188026944	Ngô Thị Ngọc Nga	21/5/1988	5	15	16	21	57	
146	SG126146	036194002527	Vũ Linh Nga	15/11/1994	12	14	9	19	54	
147	SG126147	079199002052	Trần Thị Kim Ngân	13/5/1999	9	9	16	16	50	
148	SG126148	079301027909	Đỗ Thị Thảo Ngân	19/01/2001	11	18	14	20	63	
149	SG126149	072184006733	Nguyễn Kim Nghĩa	01/01/1984	9	12	15	14	50	
150	SG126150	072190008560	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	29/7/1990	8	23	21	10	62	
151	SG126151	082300013730	Châu Thị Thảo Nguyên	05/4/2000	14	16	17	19	66	
152	SG126152	064300000193	Dụng Thị Nguyệt	27/7/2000	3	5	16	9	33	
153	SG126153	079191000148	Võ Phạm Ý Nhi	18/10/1991	23	18	15	24	80	
154	SG126154	080301009693	Nguyễn Thị Hoàng Nhi	11/11/2001					-	Vắng
155	SG126155	079194034173	Võ Quỳnh Nhi	05/11/1994	8	11	19	14	52	
156	SG126156	080196001596	Đào Thị Huyền Nhung	28/12/1996	10	11	16	17	54	
157	SG126157	079191032216	Nguyễn Lê Hồng Nhung	06/7/1991	12	15	9	18	54	
158	SG126158	072300007538	Hồ Thị Huỳnh Như	25/6/2000	9	11	5	9	34	
159	SG126159	079089031896	Bùi Nhật Phúc	09/01/1989	15	17	17	17	66	

TT	Số báo danh	Mã SV hoặc Số CCCD	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm kỹ năng				Tổng điểm	Ghi chú
						Nghe	Đọc	Viết	Nói		
160	SG126160	080196006482	Ngô Thị Diễm	Phuong	21/6/1996	18	20	10	17	65	
161	SG126161	079194021267	Lê Huỳnh Yến	Phuong	27/7/1994	25	20	18	25	88	
162	SG126162	052304000088	Trần Đỗ Như	Quỳnh	10/8/2004	15	14	15	24	68	
163	SG126163	077195000295	Phạm Thị	Quỳnh	17/5/1995	13	15	13	14	55	
164	SG126164	080099011240	Nguyễn Minh	Tâm	15/3/1999	13	13	20	15	61	
165	SG126165	087194000348	Lê Thụy Mai	Tâm	03/6/1994	8	23	24	20	75	
166	SG126166	079094014234	Trịnh Hồng Minh	Tân	21/5/1994	6	21	23	8	58	
167	SG126167	079096012591	Nguyễn Huỳnh	Tiến	02/5/1996	13	24	24	13	74	
168	SG126168	052096007039	Phan Hữu	Toàn	30/10/1996	12	23	24	7	66	
169	SG126169	079080010185	Hà Tuấn	Tú	17/3/1980	8	8	4	17	37	
170	SG126170	096196011787	Phan Ngọc	Tuyền	15/6/1996	13	8	10	7	38	
171	SG126171	079191015526	Trịnh Thanh	Tuyền	10/8/1991	7	13	24	11	55	
172	SG126172	079191009142	Giang Nguyễn Thanh	Tuyền	24/9/1991	12	15	23	9	59	
173	SG126173	079189033505	Lê Thị Thanh	Tuyền	21/7/1989	10	19	24	21	74	
174	SG126174	072089001281	Nguyễn Minh	Thành	10/5/1989	8	19	24	7	58	
175	SG126175	080099010176	Giáp Nguyễn Nhân	Thiện	14/11/1999	11	15	23	10	59	
176	SG126176	080086000491	Võ Hữu	Thoại	01/01/1986	9	8	15	18	50	
177	SG126177	079185012585	Nguyễn Thúy Phương	Thùy	06/11/1985	8	12	10	12	42	
178	SG126178	034190019511	Nguyễn Thị Thu	Thùy	27/4/1990	11	13	17	21	62	
179	SG126179	079300025454	Phụng Thị Xuân	Thùy	01/01/2000	9	11	5	13	38	
180	SG126180	079303029244	Trương Ngọc Anh	Thư	21/6/2003	7	20	15	9	51	
181	SG126181	058300004905	Hoàng Thị Ngọc	Trang	12/7/2000	15	18	15	19	67	
182	SG126182	040301025249	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	28/6/2001	14	7	20	14	55	
183	SG126183	064186000534	Bùi Thị Hà	Trang	23/8/1986	10	12	11	24	57	
184	SG126184	040301026241	Võ Thị Quỳnh	Trang	04/9/2001	16	23	23	22	84	
185	SG126185	080182002895	Nguyễn Thị Tú	Trang	23/7/1982	6	12	19	13	50	
186	SG126186	079189005889	Thái Bích	Trâm	18/4/1989	7	21	13	20	61	

TT	Số báo danh	Mã SV hoặc Số CCCD	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm kỹ năng				Tổng điểm	Ghi chú
					Nghe	Đọc	Viết	Nói		
187	SG126187	095182006742	Trần Thị Huyền Trân	20/11/1982	6	19	10	8	43	
188	SG126188	080090000025	Phạm Minh Trí	09/4/1990	12	18	2	3	35	
189	SG126189	079303007058	Đỗ Thanh Trúc	22/02/2003	19	19	22	25	85	
190	SG126190	079098005087	Trần Thành Trung	20/4/1998	10	6	12	12	40	
191	SG126191	079092013345	Nguyễn Bảo Trung	29/8/1992	9	7	3	15	34	
192	SG126192	079071014105	Nguyễn Văn Trung	02/3/1971	11	12	24	22	69	
193	SG126193	034199005730	Hoàng Thị Hải Vân	13/7/1999	10	22	13	23	68	
194	SG126194	070186008501	Nguyễn Thị Hải Vân	18/12/1986	8	14	10	20	52	
195	SG126195	080184003046	Trần Thị Cẩm Vân	07/9/1984	14	12	10	22	58	
196	SG126196	091090021360	Dương Đức Vũ	13/9/1990	5	6	22	20	53	
197	SG126197	080097004026	Phạm Minh Vương	23/10/1997	11	9	18	12	50	
198	SG126198	079191018708	Trần Nguyễn Thụy Vy	31/3/1991					-	Vắng
199	SG126199	060194012271	Trần Thị Tường Vy	05/02/1994					-	Vắng
200	SG126200	079303009769	Huỳnh Thị Thúy Vy	02/10/2003	15	13	18	16	62	
201	SG126201	079303033502	Lục Nguyễn Thanh Vy	28/11/2003	7	9	13	11	40	

- **Tổng số: 201 thí sinh**
- Dự thi: 193 thí sinh
- Vắng thi: 08 thí sinh
- Số thí sinh đạt: 149 thí sinh
- Số thí sinh không đạt: 52 thí sinh